TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **194**/2022/DS-PT
Ngày: 22 - 12 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Thẩm phán: Bà Trương Tố Hương.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và ngày 22 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 43/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 226/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: A; Sinh năm: 1974. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng *(vắng mặt).*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông B, sinh năm 1990. Địa chỉ: đường V, khóm M, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/10/2022 - có mặt)

- *Bị đơn*:

1. Bà C; Sinh năm: 1983 *(Có mặt).*
2. Ông D; Sinh năm: 1986 *(Có mặt).*

Cùng địa chỉ: ấp C, xã B, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo*: Bà C và ông D là đồng bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà A có người đại diện theo ủy quyền là ông B trình bày:

1. Vào ngày 30/6/2019 bà A có làm đầu thảo 01 dây hụi, hụi 3.000.000 đồng/01 tháng, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, dây hụi có 21 phần, trong dây hụi này bà C và ông D tham gia góp 01 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 7 thì bà C và ông D hốt hụi. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D có góp hụi chết lại cho bà A được 05 kỳ. Sau đó thì bà C và ông D không góp hụi chết lại cho bà A. Bà A phải đóng hụi chết thay cho bà C và ông D đến ngày mãn hụi là 09 kỳ với số tiền là 09 kỳ x 3.000.000 đồng = 27.000.000 đồng. Bà A đã nhiều lần yêu cầu bà C và ông D hoàn trả tiền nhiều lần, nhưng bà C và ông D không hoàn trả tiền cho bà A.

2. Vào ngày 30/9/2019 bà A có làm đầu thảo 01 dây hụi, hụi 3.000.000 đồng/01 tháng, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, dây hụi có 18 phần, trong dây hụi này bà C và ông D tham gia góp 02 phần hụi. Khi hụi khui lần đầu thì bà C và ông D hốt 01 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 7 thì bà C và ông D hốt hụi phần hụi thứ 2. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D có góp hụi chết lại cho bà A được 09 kỳ (đối với phần hụi thứ nhất, đối với phần hụi thứ 02 thì bà C và ông D góp hụi cho bà A được 03 kỳ). Sau đó thì bà C và ông D không góp hụi chết lại cho bà A. Bà A phải đóng hụi chết thay cho bà C và ông D đến ngày mãn hụi là 16 kỳ với số tiền là 16 kỳ x 3.000.000 đồng = 48.000.000 đồng. Bà A đã nhiều lần yêu cầu bà C và ông D hoàn trả tiền nhiều lần, nhưng bà C và ông D không hoàn trả tiền cho bà A.

3. Vào ngày 30/01/2020 bà A có làm đầu thảo 01 dây hụi, hụi 3.000.000 đồng/01 tháng, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, dây hụi có 17 phần, trong dây hụi này bà C và ông D tham gia góp 02 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 3 thì bà C và ông D hốt 01 phần hụi. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D có góp hụi chết lại cho bà A được 05 kỳ. Sau đó thì bà C và ông D không góp hụi chết lại cho bà A. Bà A phải đóng hụi chết thay cho bà C và ông D đến ngày mãn hụi là 11 kỳ với số tiền là 11 kỳ x 3.000.000 đồng = 33.000.000 đồng. Còn 01 phần hụi sống thì bà C và ông D có góp hụi cho bà A được 15.570.000 đồng. Sau đó, thì bà C và ông D không tiếp tục tham gia góp hụi nữa. Sau khi khấu trừ phần tiền hụi sống bà C và ông D đã góp cho bà A thì hiện nay, bà C và ông D còn nợ lại bà A số tiền là 17.430.000 đồng. Bà A đã nhiều lần yêu cầu bà C và ông D hoàn trả tiền cho bà A, nhưng bà C và ông D không hoàn trả tiền cho bà A.

4. Vào ngày 30/03/2020 bà A có làm đầu thảo 01 dây hụi, hụi 3.000.000 đồng/01 tháng, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, dây hụi có 12 phần, trong dây hụi này bà C và ông D tham gia góp 02 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 3 thì bà C và ông D hốt 01 phần hụi. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D có góp hụi chết lại cho bà A được 03 kỳ. Sau đó thì hụi khui đến kỳ thứ 4 thì bà C và ông D tiếp tục hốt phần hụi thứ 2. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D có góp hụi chết lại cho bà A 01 kỳ của phần hụi trước. Sau đó thì bà C và ông D không góp hụi chết lại cho bà A. Bà A phải đóng hụi chết thay cho bà C và ông D đến ngày mãn hụi là 16 kỳ với số tiền là 16 kỳ x 3.000.000 đồng = 48.000.000 đồng. Bà A đã nhiều lần yêu cầu bà C và ông D hoàn trả tiền cho bà A, nhưng bà C và ông D không hoàn trả tiền cho bà A.

5. Vào ngày 30/06/2020 bà A có làm đầu thảo 01 dây hụi, hụi 3.000.000 đồng/01 tháng, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, dây hụi có 14 phần, trong dây hụi này bà C và ông D tham gia góp 01 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 4 thì bà C và ông D hốt 01 phần hụi. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D không góp hụi chết lại cho bà A. Bà A phải đóng hụi chết thay cho bà C và ông D đến ngày mãn hụi là 10 kỳ với số tiền là 10 kỳ x 3.000.000 đồng = 30.000.000 đồng. bà A đã nhiều lần yêu cầu bà C và ông D hoàn trả tiền cho bà A, nhưng bà C và ông D không hoàn trả tiền cho bà A.

6. Vào ngày 30/3/2019 bà A có làm đầu thảo 01 dây hụi, hụi 1.000.000 đồng/01 tháng, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, dây hụi có 23 phần, trong dây hụi này bà C và ông D tham gia góp 05 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 1 (kỳ đầu) thì bà C và ông D hốt 01 phần hụi. Khi hụi khụi đến kỳ thứ 3 thì bà C và ông D tiếp tục hốt 01 phần hụi, khi hụi khui đến kỳ thứ 7 thì bà C và ông D tiếp tục hốt 01 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 14 thì bà C và ông D tiếp tục hốt 01 phần hụi. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D có góp hụi chết lại cho bà A đến kỳ thứ 15 (ngày 30/6/2020) thì ngưng không góp hụi chết lại cho bà A. Bà A phải đóng hụi chết thay cho bà C và ông D đến ngày mãn hụi, mỗi phần là 08 kỳ (là 8 x 04 phần hụi = 32 kỳ) với số tiền là 32 kỳ x 1.000.000 đồng = 32.000.000 đồng. Còn 01 phần hụi sống thì bà C và ông D góp cho bà A được 15 lần, với tổng số tiền là 12.810.000 đồng, khấu trừ số tiền 12.810.000 đồng thì hiện nay bà C và ông D còn nợ bà A số tiền là 19.190.000 đồng. Bà A đã nhiều lần yêu cầu bà C và ông D hoàn trả tiền cho bà A, nhưng bà C và ông D không hoàn trả tiền cho bà A.

7. Vào ngày 30/7/2019 bà A có làm đầu thảo 01 dây hụi, hụi 1.000.000 đồng/01 tháng, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, dây hụi có 21 phần, trong dây hụi này bà C và ông D tham gia góp 03 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 1(kỳ đầu) thì bà C và ông D hốt 01 phần hụi. Khi hụi khụi đến kỳ thứ 7 thì bà C và ông D tiếp tục hốt 01 phần hụi, khi hụi khui đến kỳ thứ 10 thì bà C và ông D tiếp tục hốt 01 phần hụi. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D có góp hụi chết lại cho bà A đến kỳ thứ 12 (ngày 30/6/2020) thì ngưng không góp hụi chết lại cho bà A. Bà A phải đóng hụi chết thay cho bà C và ông D đến ngày mãn hụi, mỗi phần là 09 kỳ (là 9 x 03 phần hụi = 27 kỳ) với số tiền là 27 kỳ x 1.000.000 đồng = 27.000.000 đồng. Bà A đã nhiều lần yêu cầu bà C và ông D hoàn trả tiền cho bà A, nhưng bà C và ông D không hoàn trả tiền cho bà A.

8. Vào ngày 30/9/2019 bà A có làm đầu thảo 01 dây hụi, hụi 1.000.000 đồng/01 tháng, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, dây hụi có 20 phần, trong dây hụi này bà C và ông D tham gia góp 03 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 5 thì bà C và ông D hốt 01 phần hụi. Khi hụi khụi đến kỳ thứ 8 thì bà C và ông D tiếp tục hốt 01 phần hụi, khi hụi khui đến kỳ thứ 9 thì bà C và ông D tiếp tục hốt 01 phần hụi. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D có góp hụi chết lại cho bà A đến kỳ thứ 11 (ngày 30/6/2020) thì ngưng không góp hụi chết lại cho bà A. Bà A phải đóng hụi chết thay cho bà C và ông D đến ngày mãn hụi, mỗi phần là 10 kỳ (là 10 x 03 phần hụi = 30 kỳ) với số tiền là 30 kỳ x 1.000.000 đồng = 30.000.000 đồng.

Bà A đã nhiều lần yêu cầu bà C và ông D hoàn trả tiền cho tôi, nhưng bà C và ông D không hoàn trả tiền cho bà A.

9. Vào ngày 30/11/2019 bà A có làm đầu thảo 01 dây hụi, hụi 1.000.000 đồng/01 tháng, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, dây hụi có 21 phần, trong dây hụi này bà C và ông D tham gia góp 03 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 1 (kỳ đầu) thì bà C và ông D hốt 01 phần hụi. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D có góp hụi chết lại cho bà A đến kỳ thứ 8 (ngày 30/6/2020) thì ngưng không góp hụi chết lại cho bà A. Bà A phải đóng hụi chết thay cho bà C và ông D đến ngày mãn hụi là 13 kỳ, với số tiền là 13 kỳ x 1.000.000 đồng = 13.000.000 đồng. Còn 02 phần hụi sống thì bà C và ông D góp cho bà A được 05 lần x 02 phần = 10 lần, với tổng số tiền là 8.625.000 đồng, khấu trừ số tiền là 8.625.000 đồng thì hiện nay bà C và ông D còn nợ bà A số tiền là 4.375.000 đồng. Bà A đã nhiều lần yêu cầu bà C và ông D hoàn trả tiền cho bà A, nhưng bà C và ông D không hoàn trả tiền cho bà A.

10. Vào ngày 30/02/2020 bà A có làm đầu thảo 01 dây hụi, hụi 1.000.000 đồng/01 tháng, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, dây hụi có 20 phần, trong dây hụi này bà C và ông D tham gia góp 03 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 6 thì bà C và ông D hốt 01 phần hụi. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D không góp hụi chết lại cho bà A. Bà A phải đóng hụi chết thay cho bà C và ông D đến ngày mãn hụi là 14 kỳ, với số tiền là 14 kỳ x 1.000.000 đồng = 14.000.000 đồng. Còn 02 phần hụi sống thì bà C và ông D góp cho bà A được 05 lần x 02 phần = 10 lần, với tổng số tiền là 9.135.000 đồng, khấu trừ số tiền là 9.135.000 đồng thì hiện nay bà C và ông D còn nợ bà A số tiền là 4.865.000 đồng (14.000.000 đồng – 9.135.000 đồng = 4.865.000 đồng). Bà A đã nhiều lần yêu cầu bà C và ông D hoàn trả tiền cho bà A, nhưng bà C và ông D không hoàn trả tiền cho bà A.

11. Vào ngày 30/5/2020 bà A có làm đầu thảo 01 dây hụi, hụi 1.000.000 đồng/01 tháng, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, dây hụi có 19 phần, trong dây hụi này bà C và ông D tham gia góp 02 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 2 thì bà C và ông D hốt 01 phần hụi. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D không góp hụi chết lại cho bà A. Bà A phải đóng hụi chết thay cho bà C và ông D đến ngày mãn hụi là 17 kỳ, với số tiền là 17 kỳ x 1.000.000 đồng = 17.000.000 đồng. Còn 01 phần hụi sống thì bà C và ông D góp cho bà A được 01 lần, với số tiền là 875.000 đồng, khấu trừ số tiền là 875.000 đồng thì hiện nay bà C và ông D còn nợ bà A số tiền là 16.125.000 đồng (17.000.000 đồng – 875.000 đồng = 16.125.000 đồng). Bà A đã nhiều lần yêu cầu bà C và ông D hoàn trả tiền cho bà A, nhưng bà C và ông D không hoàn trả tiền cho bà A.

Tổng cộng 11 dây hụi, bà C và ông D còn nợ bà A tổng số tiền hụi gốc là 272.705.000 đồng (Hai trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm lẽ năm nghìn đồng) và tiền lãi của từng dây hụi theo lãi suất chậm trả do Nhà nước quy định là 0,83%/tháng, cụ thể như sau:

- Đối với dây hụi ngày 30/6/2019, số tiền gốc là 27.000.000 đồng, ngày mãn hụi là ngày 30/02/2021 DL, tính lãi từ ngày 01/3/2021 DL đến ngày

01/4/2022 DL là 13 tháng với số tiền lãi là 2.913.300 đồng (27.000.000 đồng x 13 tháng x 0,83% = 2.913.300 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 29.913.300 đồng.

- Đối với dây hụi ngày 30/9/2019, số tiền gốc là 48.000.000 đồng, ngày mãn hụi là ngày 30/02/2021 DL, tính lãi từ ngày 01/3/2021 DL đến ngày 01/4/2022 DL là 13 tháng với số tiền lãi là 5.179.200 đồng (48.000.000 đồng x 13 tháng x 0,83% = 5.179.200 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 53.179.200 đồng.

- Đối với dây hụi ngày 30/01/2020, số tiền gốc là 17.430.000 đồng, ngày mãn hụi là ngày 30/5/2021 DL, tính lãi từ ngày 01/6/2021 DL đến ngày 01/4/2022 DL là 10 tháng với số tiền lãi là 1.446.000 đồng (17.430.000 đồng x 10 tháng x 0,83% = 1.446.000 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 18.876.000 đồng.

- Đối với dây hụi ngày 30/3/2020, số tiền gốc là 48.000.000 đồng, ngày mãn hụi là ngày 30/02/2021 DL, tính lãi từ ngày 01/3/2021 DL đến ngày 01/4/2022 DL là 13 tháng với số tiền lãi là 5.179.200 đồng (48.000.000 đồng x 13 tháng x 0,83% = 5.179.200 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 53.179.200 đồng.

- Đối với dây hụi ngày 30/6/2020, số tiền gốc là 30.000.000 đồng, ngày mãn hụi là ngày 30/7/2021 DL, tính lãi từ ngày 01/8/2021 DL đến ngày 01/4/2022 DL là 08 tháng với số tiền lãi là 1.992.000 đồng (30.000.000 đồng x 8 tháng x 0,83% = 1.992.000 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 31.992.000 đồng.

- Đối với dây hụi ngày 30/3/2019, số tiền gốc là 19.190.000 đồng, ngày mãn hụi là ngày 30/01/2021 DL, tính lãi từ ngày 01/02/2021 DL đến ngày 01/4/2022 DL là 14 tháng với số tiền lãi là 2.230.000 đồng (19.190.000 đồng x 14 tháng x 0,83% = 2.230.000 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 21.240.000 đồng.

- Đối với dây hụi ngày 30/7/2019, số tiền gốc là 27.000.000 đồng, ngày mãn hụi là ngày 30/3/2021 DL, tính lãi từ ngày 01/4/2021 DL đến ngày 01/4/2022 DL là 12 tháng với số tiền lãi là 2.689.200 đồng (27.000.000 đồng x 12 tháng x 0,83% = 2.689.200 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 29.689.200 đồng.

- Đối với dây hụi ngày 30/9/2019, số tiền gốc là 30.000.000 đồng, ngày mãn hụi là ngày 30/4/2021 DL, tính lãi từ ngày 01/5/2021 DL đến ngày 01/4/2022 DL là 11 tháng với số tiền lãi là 2.739.000 đồng (30.000.000 đồng x 11 tháng x 0,83% = 2.739.000 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 32.739.000 đồng.

- Đối với dây hụi ngày 30/11/2019, số tiền gốc là 4.375.000 đồng, ngày mãn hụi là ngày 30/7/2021 DL, tính lãi từ ngày 01/8/2021 DL đến ngày 01/4/2022 DL là 08 tháng với số tiền lãi là 290.500 đồng (4.375.000 đồng x 08 tháng x 0,83% = 290.500 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 4.665.500 đồng.

- Đối với dây hụi ngày 30/02/2020, số tiền gốc là 4.865.000 đồng, ngày mãn hụi là ngày 30/9/2021 DL, tính lãi từ ngày 01/10/2021 DL đến ngày 01/4/2022 DL là 06 tháng với số tiền lãi là 242.000 đồng (4.865.000 đồng x 06 tháng x 0,83% = 242.000 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 5.107.000 đồng.

- Đối với dây hụi ngày 30/5/2020, số tiền gốc là 16.125.000 đồng, ngày mãn hụi là ngày 30/11/2021 DL, tính lãi từ ngày 01/12/2021 DL đến ngày

01/4/2022 DL là 05 tháng với số tiền lãi là 669.000 đồng (16.125.000 đồng x 05 tháng x 0,83% = 669.000 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 16.794.000 đồng.

Do ông D và bà C là vợ chồng, ông D có tham gia góp hụi với bà A, việc bà C tham gia góp hụi với bà A, ông D cũng biết và không có ý kiến phản đối, do đó bà A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C và ông D phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà A tổng số tiền gốc và tiền lãi là 297.374.400 đồng (trong đó tiền gốc là 272.705.000 đồng, tiền lãi là 24.669.400 đồng) và tiền lãi tính tiếp từ ngày 02/4/2022 DL đến khi Tòa án xét xử xong vụ án.

Tại phiên tòa bà A trình bày: Trong quá trình Tòa án giải quyết bà đã tính toán lại và tại phiên tòa bà xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C và ông D phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà A tổng số tiền gốc là 244.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả đủ trong thời gian 30 ngày.

Tại Bản tự khai ngày 20/5/2022, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn là bà C trình bày:

Trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2018 thì bà C có tham gia góp hụi với bà A, nhưng từ năm 2019 trở về sau thì bà C không còn tham gia góp hụi với bà A nữa, nên bà C không thống nhất theo yêu cầu của bà A, vì bà C không có tham gia góp hụi với bà A, nên bà C không thống nhất trả nợ theo yêu cầu của bà A.

Tại Bản tự khai ngày 20/5/2022, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn là ông D trình bày:

Ông D không thống nhất theo yêu cầu của bà A, vì ông D không có tham gia góp hụi với bà A, việc bà C tham gia góp hụi với bà A ông D không hay biết, nên ông D không thống nhất trả nợ theo yêu cầu của bà A.

Tại bản án sơ thẩm số 43/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 117, Điều 119, Điều 398 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 5, 6, 7, 8, 16 và Điều 24 của Nghị định số 19/NĐ- CP, ngày 19/02/2022 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

Buộc ông D và bà C phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà A số tiền là 244.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 11/10/2022, các bị đơn ông D và bà C có đơn kháng cáo với nội dung: Ông bà không thống nhất với bản án nêu trên, ông bà không có tham gia góp hụi với bà A, trong đơn khởi kiện của bà A đã có hành vi vu khống, xúc phạm danh dự của ông bà, đồng thời bản án của Tòa cấp sơ thẩm không hợp lý, không đúng sự thật. Nay ông bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng ông bà không phải trả tiền cho bà A, vì ông bà không có tham gia góp hụi với bà A.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà A không rút đơn khởi kiện; các bị đơn ông D và bà C giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông D và bà C, áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Người có quyền kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của các bị đơn ông D và bà C là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng luật định.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà A vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt tham gia phiên tòa; việc vắng mặt của họ cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo khởi kiện và tại tòa ông B đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng bà A là đầu thảo, bà C và ông D là hụi viên, tất cả các dây hụi đều là hụi tháng và hàng tháng khui 01 kỳ, bà C và ông D có tham gia 11 dây hụi,

hụi mở dây thứ nhất là ngày 30/03/2019 và dây thứ 11 là ngày 30/6/2020 thì bà C và ông D có tham gia cụ thể:

[2.1.1] Dây hụi thứ nhất, mở hụi ngày 30/3/2019, hụi 1.000.000 đồng/01 tháng, dây hụi có 23 phần, trong dây hụi này bà C và ông D tham gia góp 05 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 1 (kỳ đầu) thì bà C và ông D hốt 01 phần hụi. Khi hụi khụi đến kỳ thứ 3 thì bà C và ông D tiếp tục hốt 01 phần hụi, khi hụi khui đến kỳ thứ 7 thì bà C và ông D tiếp tục hốt 01 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 14 thì bà C và ông D tiếp tục hốt 01 phần hụi. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D có góp hụi chết lại cho bà A đến kỳ thứ 15 (ngày 30/6/2020) thì ngưng không góp hụi chết lại cho bà A. Bà A phải đóng hụi chết thay cho bà C và ông D đến ngày mãn hụi, mỗi phần là 08 kỳ (là 8 x 04 phần hụi = 32 kỳ) với số tiền là 32 kỳ x 1.000.000 đồng = 32.000.000 đồng. Còn 01 phần hụi sống thì bà C và ông D góp cho bà A được 15 lần = 15.000.000đồng . Sau khi khấu trừ hụi sống thì bà C và ông D còn nợ lại bà A số tiền là 17.000.000 đồng.

[2.1.2] Dây hụi thứ 2, mở hụi ngày 30/6/2019, hụi 3.000.000 đồng/01 tháng, dây hụi có 21 phần, trong dây hụi này bà C và ông D tham gia góp 01 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 7 thì bà C và ông D hốt hụi. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D có góp hụi chết lại cho bà A được 05 kỳ. Sau đó thì bà C và ông D không góp hụi chết lại cho bà A. Bà A phải đóng hụi chết thay cho bà C và ông D đến ngày mãn hụi là 09 kỳ với số tiền là 09 kỳ x 3.000.000 đồng = 27.000.000 đồng.

[2.1.3] Dây hụi thứ 03, mở hụi ngày 30/7/2019, hụi 1.000.000 đồng/01 tháng, dây hụi có 21 phần, trong dây hụi này bà C và ông D tham gia góp 03 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 1(kỳ đầu) thì bà C và ông D hốt 01 phần hụi. Khi hụi khụi đến kỳ thứ 7 thì bà C và ông D tiếp tục hốt 01 phần hụi, khi hụi khui đến kỳ thứ 10 thì bà C và ông D tiếp tục hốt 01 phần hụi. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D có góp hụi chết lại cho bà A đến kỳ thứ 12 (ngày 30/6/2020) thì ngưng không góp hụi chết lại cho bà A. Bà A phải đóng hụi chết thay cho bà C và ông D đến ngày mãn hụi, mỗi phần là 09 kỳ (là 9 x 03 phần hụi = 27 kỳ) với số tiền là 27 kỳ x 1.000.000 đồng = 27.000.000 đồng.

[2.1.4] Dây hụi thứ 4, mở hụi ngày 30/9/2019, hụi 1.000.000 đồng/01 tháng, dây hụi có 20 phần, trong dây hụi này bà C và ông D tham gia góp 03 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 5 thì bà C và ông D hốt 01 phần hụi. Khi hụi khụi đến kỳ thứ 8 thì bà C và ông D tiếp tục hốt 01 phần hụi, khi hụi khui đến kỳ thứ 9 thì bà C và ông D tiếp tục hốt 01 phần hụi. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D có góp hụi chết lại cho bà A đến kỳ thứ 11 (ngày 30/6/2020) thì ngưng không góp hụi chết lại cho bà A. Bà A phải đóng hụi chết thay cho bà C và ông D đến

ngày mãn hụi, mỗi phần là 9 kỳ x 03 phần hụi x 1.000.000 đồng = 27.000.000 đồng.

[2.1.5] Dây hụi thứ 5, mở hụi ngày 30/9/2019, hụi 3.000.000 đồng/01 tháng, dây hụi có 18 phần, trong dây hụi này bà C và ông D tham gia góp 02 phần hụi. Khi hụi khui lần đầu thì bà C và ông D hốt 01 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 7 thì bà C và ông D hốt hụi phần hụi thứ 2. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D có góp hụi chết lại cho bà A được 09 kỳ (đối với phần hụi thứ nhất, đối với phần hụi thứ 02 thì bà C và ông D góp hụi cho bà A được 03 kỳ). Sau đó thì bà C và ông D không góp hụi chết lại cho bà A. Bà A phải đóng hụi chết thay cho bà C và ông D đến ngày mãn hụi là 16 kỳ với số tiền là 16 kỳ x 3.000.000 đồng = 48.000.000 đồng.

[2.1.6] Dây hụi thứ 6, mở hụi Vào ngày 30/11/2019, hụi 1.000.000 đồng/01 tháng, dây hụi có 21 phần, trong dây hụi này bà C và ông D tham gia góp 03 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 1 (kỳ đầu) thì bà C và ông D hốt 01 phần hụi. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D có góp hụi chết lại cho bà A đến kỳ thứ 8 (ngày 30/6/2020) thì ngưng không góp hụi chết lại cho bà A. Bà A phải đóng hụi chết thay cho bà C và ông D đến ngày mãn hụi là 13 kỳ, với số tiền là 13 kỳ x 1.000.000 đồng = 13.000.000 đồng. Còn 02 phần hụi sống thì bà C và ông D góp cho bà A được 05 lần x 02 phần = 10 lần = 10.000.000đồng. Sau khi khấu trừ hụi sống thì bà C và ông D còn nợ lại bà A số tiền là 3.000.000 đồng.

[2.1.7] Dây hụi thứ 7, mở hụi ngày 30/01/2020, hụi 3.000.000 đồng/01 tháng, dây hụi có 17 phần, trong dây hụi này bà C và ông D tham gia góp 02 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 3 thì bà C và ông D hốt 01 phần hụi. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D có góp hụi chết lại cho bà A được 05 kỳ. Sau đó thì bà C và ông D không góp hụi chết lại cho bà A. Bà A phải đóng hụi chết thay cho bà C và ông D đến ngày mãn hụi là 11 kỳ với số tiền là 11 kỳ x 3.000.000 đồng = 33.000.000 đồng. Còn 01 phần hụi sống thì bà C và ông D có góp hụi cho bà A được 8 kỳ = 24.000.000đồng. Sau khi khấu trừ hụi sống thì bà C và ông D còn nợ lại bà A số tiền là 9.000.000 đồng.

[2.1.8] Dây hụi thứ 8, mở hụi ngày 30/02/2020, hụi 1.000.000 đồng/01 tháng, dây hụi có 20 phần, trong dây hụi này bà C và ông D tham gia góp 03 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 6 thì bà C và ông D hốt 01 phần hụi. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D không góp hụi chết lại cho bà A. Bà A phải đóng hụi chết thay cho bà C và ông D đến ngày mãn hụi là 14 kỳ, với số tiền là 14 kỳ x 1.000.000 đồng = 14.000.000 đồng. Còn 02 phần hụi sống thì bà C và ông D góp cho bà A được 05 lần x 02 phần = 10 lần với số tiền 10.000.000đồng Sau

khi khấu trừ hụi sống thì bà C và ông D còn nợ lại bà A số tiền là 2.000.000 đồng.

[2.1.9] Dây hụi thứ 9, mở hụi ngày 30/03/2020, hụi 3.000.000 đồng/01 tháng, dây hụi có 12 phần, trong dây hụi này bà C và ông D tham gia góp 02 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 3 thì bà C và ông D hốt 01 phần hụi. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D có góp hụi chết lại cho bà A được 03 kỳ. Sau đó thì hụi khui đến kỳ thứ 4 thì bà C và ông D tiếp tục hốt phần hụi thứ 2. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D có góp hụi chết lại cho bà A 01 kỳ của phần hụi trước. Sau đó thì bà C và ông D không góp hụi chết lại cho bà A. Bà A phải đóng hụi chết thay cho bà C và ông D đến ngày mãn hụi là 13 kỳ x 3.000.000 đồng = 39.000.000 đồng.

[2.1.10] Dây hụi thứ 10, mở hụi ngày 30/5/2020, hụi 1.000.000 đồng/01 tháng, dây hụi có 19 phần, trong dây hụi này bà C và ông D tham gia góp 02 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 2 thì bà C và ông D hốt 01 phần hụi. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D không góp hụi chết lại cho bà A. Bà A phải đóng hụi chết thay cho bà C và ông D đến ngày mãn hụi là 17 kỳ, với số tiền là 17 kỳ x 1.000.000 đồng = 17.000.000 đồng. Còn 01 phần hụi sống thì bà C và ông D góp cho bà A được 01 lần (02 lần) với số tiền 2.000.000đồng. Sau khi khấu trừ hụi sống thì bà C và ông D còn nợ lại bà A số tiền là 15.000.000 đồng.

[2.1.11] Dây hụi thứ 11, mở hụi ngày 30/06/2020, hụi 3.000.000 đồng/01 tháng, dây hụi có 14 phần, trong dây hụi này bà C và ông D tham gia góp 01 phần hụi. Khi hụi khui đến kỳ thứ 4 thì bà C và ông D hốt 01 phần hụi. Sau khi hốt hụi thì bà C và ông D không góp hụi chết lại cho bà A. Bà A phải đóng hụi chết thay cho bà C và ông D đến ngày mãn hụi là 10 kỳ với số tiền là 10 kỳ x 3.000.000 đồng = 30.000.000 đồng.

Tổng cộng 11 dây hụi, sau khi hụi mãn thì bà C và ông D không đóng Hụi cho bà A, nên bà A đã đóng thay cho bà C và ông D tổng số tiền hụi gốc là 244.000.000 đồng. Nay ông B đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông D và bà C trả số nợ trên. Chứng cứ cho yêu cầu trên là những người tham gia góp hụi cùng với bà C và ông D

[3] Phía bị đơn bà C cho rằng từ năm 2019 đến năm 2020 thì bà không có tham gia góp hụi cùng bà A, nên bà không đồng ý theo yêu cầu của bà A là trả tiền hụi gốc là 244.000.000đồng.

[4] Phía bị đơn là ông D cho rằng ông không có tham gia góp hụi với bà A, việc bà C có tham gia góp hụi với bà A hay không thì ông D không hay biết, nên ông D không thống nhất trả nợ theo yêu cầu của bà A.

[5] Xét kháng cáo của các bị đơn bà C và ông D cho rằng không có tham gia góp hụi với bà A từ năm 2019 đến năm 2020, nên không đồng ý trả số tiền trên. Xét thấy,

[5.1] Đối với lời khai của những người làm chứng là ông T ngày 11/7/2022, ông P ngày 22/7/2022, bà H Trinh ngày 28/7/2022, bà K ngày 29/7/2022, bà N, ngày 22/8/2022, bà P ngày 26/8/2022 (những người này là những đồng nghiệp công tác chung với bà A, bà C, ông D cũng là những người hụi viên tham gia góp hụi với bà A), bà Y ngày 05/8/2022, bà R ngày 07/7/2022, bà S ngày 07/7/2022, bà J ngày 07/7/2022, bà Z ngày 23/8/2022 (là những người hụi viên tham gia góp hụi với bà A) đều trình bày là bà C có hợp đồng góp hụi với bà A, do bà A làm đầu thảo hụi; Còn ông D thì tại biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2022 của bà I cũng xác định ông D có tham gia góp hụi với bà A, do bà A làm đầu thảo trong dây hụi ngày 30/3/2019, trong dây hụi này bà I cũng có tham gia góp hụi. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D cũng trình bày bà C là vợ ông D, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn với nhau. Xét thấy, theo lời khai của những người làm chứng nêu trên chỉ xác định ông D, bà C có tham gia góp hụi với bà A trong các năm 2019 và năm 2020, nhưng không có nhìn thấy việc bà C và ông D hốt hụi và bà A giao tiền hụi cho bà C, ông D, việc giao nhận tiền hốt hụi và hốt hụi của hai bên không ai chứng kiến và nhìn thấy.

[5.2] Theo chứng cứ có trong hồ sơ thì các bị đơn có tham gia góp hụi với bà A. Tuy nhiên, khi bà A là đầu thảo hụi nhưng bà A không giao phơi hụi cho các hụi viên, khi các bị đơn hốt hụi và khi giao tiền thì bà A không có tài liệu chứng minh để chứng minh cho việc giao nhận tiền hụi và tại tòa các bị đơn không thừa nhận mình có hốt hụi và tham gia các dây hụi như bà A trình bày và chỉ cho rằng có tham gia chơi hụi của bà A đến năm 2018 thì không tham gia chơi hụi nửa.

[5.3] Mặc khác, Theo quy định tại Điều 15 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ quy định "về họ, hụi, biêu, phường", quy định nghĩa vụ của chủ họ là:

1. Lập và giữ sổ họ và các giấy tờ liên quan đến họ.

2. Thu phần họ của các thành viên.

3. Giao các phần họ cho thành viên được lĩnh họ.

4. Nộp thay phần họ của thành viên trong trường hợp có thoả thuận nếu đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ.

5. Cho các thành viên xem sổ họ và cung cấp các thông tin liên quan đến họ khi có yêu cầu.

6. Các nghĩa vụ khác theo thoả thuận.

Phía nguyên đơn có cung cấp giấy ghi các thành viên tham gia nhưng không có chữ ký của các bị đơn, đồng thời theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa phía nguyên đơn cho rằng các phần hụi phía bị đơn tham gia đã hốt nhưng không xác định số tiền phía bị đơn hốt được của mỗi kỳ hụi là bao nhiêu và đơn khởi kiện cũng như tờ tường trình của nguyên đơn và lời trình bày của những người làm chứng chỉ nêu liệt kê các dây hụi, phần hụi mà bị đơn tham gia, nhưng phía các bị đơn không thừa nhận nên chưa đủ cơ sở xác định bị đơn có tham gia các dây hụi do nguyên đơn làm chủ. Do đó chưa đủ cơ sở xác định thực tế giữa nguyên đơn với các bị đơn có thỏa thuận giao kết hợp đồng góp hụi. Bản án sơ thẩm căn cứ vào lời khai của những người làm chứng và danh sách hụi do nguyên đơn cung cấp nên buộc các bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền hụi do nguyên đơn nộp thay là chưa phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[6] Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm buộc các bị đơn ông D, bà C có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho nguyên đơn nợ tiền hụi gốc 244.000.000đồng là không có căn cứ, nên kháng cáo của ông D, bà C có căn cứ chấp nhận.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên là không căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Do kháng cáo của các bị đơn được chấp nhận, nên các bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Khoản 2 Điều 148, Khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông D và bà C.

Sửa bản án sơ thẩm số 43/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A về việc buộc ông D và bà C phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà A số tiền nợ hụi là 244.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng).*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà A phải chịu 12.200.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp là 7.434.000 đồng *(Bảy triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002056 ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà A còn phải nộp thêm 4.766.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

3.1. Bà A phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm.

3.2. Ông D và bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông D và bà C mỗi người được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004119 (ông D nộp) và số 0004120 (ông D nộp thay bà C) cùng ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Phụng